

- Giám sát, kiểm tra cơ quan điều hành Quỹ trong việc chấp hành các chính sách và pháp luật, thực hiện các quyết định của Hội đồng Quản lý Quỹ;

- Trình Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố phê duyệt, bổ sung và sửa đổi Điều lệ hoạt động của Quỹ.

2. Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm điều hành tác nghiệp Quỹ đầu tư phát triển đô thị thành phố Hồ Chí Minh. Giúp việc Giám đốc có một số Phó Giám đốc và một số bộ phận chuyên môn. Giám đốc, các Phó Giám đốc Quỹ do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ sau khi có ý kiến của Trưởng ban Ban Tổ chức chính quyền thành phố.

Giám đốc Quỹ là đại diện pháp nhân, có trách nhiệm điều hành và quản lý hoạt động của Quỹ theo đúng Điều lệ, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản lý Quỹ, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển đô thị thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 6.- Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển đô thị thành phố Hồ Chí Minh sau khi có ý kiến chấp thuận của Bộ trưởng Bộ Tài chính; bố trí tổ chức và cán bộ, chỉ đạo việc thành lập và giám sát hoạt động của Quỹ. Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy chế Quản lý tài chính và thực hiện chức năng quản lý tài chính Nhà nước đối với hoạt động của Quỹ.

Điều 7.- Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Bộ trưởng Bộ Tài chính, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ đầu tư phát triển đô thị thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

PHAN VĂN KHAI

BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG CỔ PHẦN HÓA

**QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng,
Trưởng ban Ban Chỉ đạo
Trung ương cổ phần hóa số
1-CPH ngày 4-9-1996 về việc
ban hành Quy trình chuyển
doanh nghiệp nhà nước thành
công ty cổ phần.**

BỘ TRƯỞNG, TRƯỞNG BAN BAN CHỈ ĐẠO
TRUNG ƯƠNG CỔ PHẦN HÓA

*Căn cứ Nghị định số 28-CP ngày 7-5-1996 của
Chính phủ về chuyển một số doanh nghiệp nhà
nước thành công ty cổ phần;*

*Căn cứ Quyết định số 548-TTg ngày 13-8-1996
của Thủ tướng Chính phủ về thành lập các Ban
Chỉ đạo cổ phần hóa;*

*Theo sự nhất trí của các thành viên Ban Chỉ
đạo trung ương cổ phần hóa tại phiên họp ngày
29 tháng 8 năm 1996,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần theo Nghị định số 28-CP ngày 7-5-1996 của Chính phủ.

Điều 2.- Các doanh nghiệp nhà nước, bộ phận doanh nghiệp nhà nước được tách ra để chuyển thành công ty cổ phần đều thống nhất thực hiện theo Quy trình này.

Điều 3.- Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các Ban Chỉ đạo cổ phần hóa của Bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Hội đồng Quản trị Tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, hoạt động theo nội dung của Quyết định số 91-TTg ngày 7-3-1994 của Thủ tướng

Chính phủ; các Ban Cổ phần hóa tại doanh nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Bộ trưởng, Trưởng ban
Ban Chỉ đạo trung ương cổ phần hóa
PHAN VĂN TIÊM

QUY TRÌNH chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần

(ban hành kèm theo Quyết định số 1-CPH ngày 4-9-1996 của Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Chỉ đạo trung ương cổ phần hóa).

Các doanh nghiệp nhà nước chuyển thành công ty cổ phần (gọi tắt là cổ phần hóa) tiến hành theo các bước sau đây:

Bước 1. CHUẨN BỊ CỔ PHẦN HÓA

A. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng Quản trị các Tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, hoạt động theo nội dung Quyết định số 91-TTg ngày 7-3-1994 của Thủ tướng Chính phủ (gọi tắt là Tổng công ty 91):

1. Ra quyết định thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa của Bộ, địa phương theo Khoản 1 Điều 3 của Quyết định số 548-TTg ngày 13-8-1996 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Nghiên cứu các điều kiện, tình hình kinh doanh và nguyện vọng của doanh nghiệp nhà nước để lựa chọn doanh nghiệp, bộ phận của doanh nghiệp đưa ra cổ phần hóa.

3. Thống nhất với tổ chức Đảng cùng cấp, Hội đồng Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để quyết định đưa các doanh nghiệp, bộ phận của doanh nghiệp vào danh sách cổ phần hóa theo phụ lục số 1 đính kèm, gửi về Ban Chỉ đạo trung ương cổ phần hóa và Bộ Tài chính.

Danh sách các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa chia ra làm 2 loại:

- Loại doanh nghiệp, bộ phận của doanh nghiệp có vốn nhà nước (vốn ngân sách cấp, vốn có nguồn gốc từ ngân sách và vốn do doanh nghiệp tự tích lũy) từ 3 tỷ đồng trở xuống theo quyết toán tại thời điểm cổ phần hóa.

- Loại doanh nghiệp, bộ phận của doanh nghiệp có vốn nhà nước (vốn ngân sách cấp, vốn có nguồn gốc từ ngân sách và vốn do doanh nghiệp tự tích lũy) trên 3 tỷ đồng theo quyết toán tại thời điểm cổ phần hóa.

Đối với các doanh nghiệp được lựa chọn để cổ phần hóa phải bảo đảm điều kiện quy định tại Điều 7 Nghị định số 28-CP ngày 7-5-1996 của Chính phủ.

Đối với bộ phận doanh nghiệp được tách ra để cổ phần hóa phải bảo đảm các điều kiện sau:

- Phải là đơn vị hạch toán phụ thuộc, tính được giá thành trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, có báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (ít nhất là 1 năm cuối cùng của thời điểm cổ phần hóa).

- Phải độc lập tương đối về tài sản, tiền vốn, công nghệ sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, địa điểm làm việc.

- Phải bảo đảm điều kiện về vốn pháp định theo ngành nghề kinh doanh đối với doanh nghiệp chính sau khi đã tách một bộ phận để cổ phần hóa.

4. Thông báo cho từng doanh nghiệp được lựa chọn về quyết định tiến hành cổ phần hóa tại doanh nghiệp đó.

5. Ra quyết định thành lập Ban Cổ phần hóa tại doanh nghiệp. Thành phần của Ban quy định tại Khoản 3 Điều 3 của Quyết định số 548-TTg ngày 13-8-1996 của Thủ tướng Chính phủ.

6. Tổ chức tập huấn cho các Ban Cổ phần hóa tại doanh nghiệp và các cán bộ có liên quan.

B. Các doanh nghiệp trong danh sách cổ phần hóa thực hiện các việc sau:

I. Ban Cổ phần hóa tại doanh nghiệp:

1. Tuyên truyền, phổ biến, giải đáp cho người lao động trong doanh nghiệp về những chủ

trương, chính sách và quy định của Chính phủ, của các Bộ về cổ phần hóa.

2. Chuẩn bị các tài liệu, số liệu có liên quan đến sản xuất, tài chính, lao động của doanh nghiệp gồm:

- Báo cáo quyết toán 3 năm cuối cùng đến thời điểm cổ phần hóa.

- Báo cáo tình hình công nợ, tài sản, vật tư, hàng hóa ứ đọng, kém, mất phẩm chất; phân tích rõ nguyên nhân và dự kiến hướng giải quyết.

- Báo cáo danh sách lao động của doanh nghiệp đến thời điểm cổ phần hóa, trong đó nêu rõ số lượng, chất lượng, thời gian công tác của từng người lao động.

3. Lập dự toán chi phí cho việc cổ phần hóa theo các khoản mục chi tiết như Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính cho đến khi họp xong Đại hội cổ đông lần thứ nhất.

4. Kiểm kê tài sản, vật tư, tiền vốn, công nợ của doanh nghiệp; dự kiến phân loại tài sản:

- Tài sản đang dùng,
- Tài sản không cần dùng,
- Tài sản xin thanh lý,
- Tài sản (hiện vật) được hình thành từ quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi của doanh nghiệp để chuẩn bị bàn giao cho Công đoàn công ty quản lý.

II. Giám đốc doanh nghiệp:

1. Ký hợp đồng với cơ quan kiểm toán hợp pháp để kiểm toán kết quả hoạt động kinh doanh làm cơ sở xác định giá trị doanh nghiệp. Việc chọn cơ quan kiểm toán phải có sự thống nhất của cơ quan quản lý vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Tổ chức thanh toán công nợ đã xác định, xử lý tài sản, vật tư ứ đọng, thanh lý tài sản thuộc thẩm quyền.

3. Đăng ký với Kho bạc Nhà nước để mở tài khoản tiền nộp bán cổ phần doanh nghiệp cổ phần hóa.

4. Mở sổ đăng ký các cổ đông dự định mua cổ phần doanh nghiệp. Đăng ký mua ấn chỉ cổ phiếu tại Kho bạc Nhà nước.

Bước 2. XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP, BỘ PHẬN DOANH NGHIỆP

A. Bộ quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật, Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng Quản trị Tổng công ty 91.

1. Chỉ đạo Ban Cổ phần hóa tại doanh nghiệp trong việc:

- Kiểm kê, xác định giá trị thực tế của doanh nghiệp.

- Xây dựng phương án cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

- Dự thảo Điều lệ Tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần.

2. Chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan giải quyết những kiến nghị, những vướng mắc của doanh nghiệp thể hiện trong phương án cổ phần hóa doanh nghiệp.

3. Tiến hành thẩm tra giá trị doanh nghiệp do Ban Cổ phần hóa tại doanh nghiệp trình; ra văn bản thỏa thuận mức giá trị thực tế của doanh nghiệp gửi Bộ Tài chính (hệ thống Tổng cục Quản lý vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp) quyết định.

B. Bộ Tài chính (hệ thống Tổng cục Quản lý vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp):

1. Kết hợp với Bộ quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật hoặc Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Hội đồng Quản trị Tổng công ty 91 hướng dẫn doanh nghiệp trong các việc sau:

- Ký hợp đồng với cơ quan kiểm toán hợp pháp.

- Xử lý những vấn đề về tài chính vượt quá quyền hạn của doanh nghiệp: nợ khó đòi, tài sản tổn thất thuộc mọi nguyên nhân.

2. Ban hành văn bản quyết định giá trị thực tế của doanh nghiệp.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đề nghị xác định giá trị doanh nghiệp và có văn bản thỏa thuận của Bộ quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật hoặc Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Hội đồng Quản trị của Tổng công ty 91, phải ban hành văn bản quyết định giá trị thực tế của doanh nghiệp

(theo quy định tại Điều 13, Nghị định số 28-CP ngày 7-5-1996 của Chính phủ).

C. Ban Cổ phần hóa tại doanh nghiệp:

1. Lập phương án (dự kiến) về:

- Phân phối quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi (bằng tiền) cho người lao động trong doanh nghiệp (nếu có).

- Xác định số cổ phiếu cấp cho người lao động để hưởng cổ tức theo thâm niên và chất lượng công tác của từng người lao động đang làm việc.

- Xác định số tiền cho vay để mua chịu cổ phiếu với lãi suất 4%/năm đối với từng người lao động.

2. Phổ biến hoặc niêm yết công khai các dự kiến phương án nêu trên cho người lao động trong doanh nghiệp được biết và thảo luận để thống nhất cùng thực hiện.

3. Căn cứ kết quả kiểm toán và hướng dẫn của Bộ Tài chính, Ban Cổ phần hóa tại doanh nghiệp lập Hội đồng xác định giá trị doanh nghiệp gồm các thành viên Ban Cổ phần hóa tại doanh nghiệp, đại diện có thẩm quyền của cơ quan quản lý vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp và một số cán bộ kinh tế - kỹ thuật theo đặc điểm từng doanh nghiệp do Trưởng Ban Cổ phần hóa tại doanh nghiệp làm Chủ tịch để dự kiến giá trị thực tế của doanh nghiệp. Sau khi giá trị thực tế của doanh nghiệp đã được dự kiến, Ban Cổ phần hóa tại doanh nghiệp báo cáo Bộ quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật hoặc Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Hội đồng Quản trị Tổng công ty 91 để thông qua trước khi trình Bộ Tài chính (hệ thống Tổng cục Quản lý vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp) quyết định.

4. Lập phương án cổ phần hóa (nội dung chính của phương án cổ phần hóa xem phụ lục số 2 đính kèm).

5. Tổ chức Đại hội công nhân viên chức (bất thường) để lấy ý kiến về phương án cổ phần hóa doanh nghiệp.

6. Hoàn chỉnh phương án cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (sau khi đã có ý kiến đóng góp của người lao động).

7. Trình cơ quan có thẩm quyền duyệt phương án cổ phần hóa của doanh nghiệp.

8. Dự thảo Điều lệ Tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần và báo cáo xin ý kiến của Bộ quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật hoặc Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Hội đồng Quản trị Tổng công ty 91 về bản dự thảo Điều lệ.

Bước 3. DUYỆT VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

A. Bộ quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật, Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

1. Xét duyệt phương án cổ phần hóa đối với những doanh nghiệp có vốn nhà nước từ 3 tỷ đồng trở xuống.

Báo cáo phương án cổ phần hóa lên Ban Chỉ đạo trung ương cổ phần hóa và Bộ Tài chính những doanh nghiệp có vốn nhà nước trên 3 tỷ đồng để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Thỏa thuận với hệ thống Tổng cục Quản lý vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp về nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị của công ty cổ phần để quản lý phần vốn nhà nước trước khi đưa ra bầu tại Đại hội cổ đông của công ty cổ phần hình thành từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp độc lập.

Đối với doanh nghiệp là thành viên Tổng công ty hoạt động theo nội dung Quyết định số 90-TTg ngày 4-3-1994 của Thủ tướng Chính phủ (gọi tắt là Tổng công ty 90), Công ty lớn có Hội đồng Quản trị tiến hành cổ phần hóa thì Hội đồng Quản trị Tổng công ty 90 hoặc Công ty lớn có Hội đồng Quản trị cử người tham gia Hội đồng Quản trị của công ty cổ phần để trực tiếp quản lý phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần.

Trường hợp tách một bộ phận doanh nghiệp độc lập để cổ phần hóa thì Giám đốc doanh nghiệp quyết định cử người tham gia Hội đồng Quản trị của công ty cổ phần để trực tiếp quản lý phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần.

3. Chỉ đạo Ban Cổ phần hóa tại doanh nghiệp tổ chức Đại hội cổ đông lần thứ nhất để bầu Hội đồng Quản trị và thông qua Điều lệ Tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần.

4. Ban hành quyết định chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần theo thẩm quyền.

B. Hội đồng Quản trị của Tổng công ty 91:

1. Báo cáo phương án cổ phần hóa của các doanh nghiệp thành viên lên Ban Chỉ đạo trung ương cổ phần hóa và Bộ Tài chính để trình Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ trưởng được ủy quyền phê duyệt.

2. Thực hiện nhiệm vụ như đối với các Bộ quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật nêu tại Bước 3 Mục A Điểm 3; cử người trực tiếp quản lý phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần được thành lập từ cổ phần hóa doanh nghiệp thành viên của Tổng công ty.

3. Trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chuyển doanh nghiệp, bộ phận doanh nghiệp thành công ty cổ phần.

C. Bộ Tài chính (hệ thống Tổng cục Quản lý vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp):

1. Kho bạc được Bộ Tài chính ủy quyền bán tờ cổ phiếu in sẵn để công ty phát hành cho các cổ đông đủ điều kiện nhận cổ phiếu, chậm nhất là 30 ngày kể từ khi kết thúc thời hạn phát hành.

2. Ra quyết định chuyển tài sản và tiền vốn của doanh nghiệp nhà nước thành tài sản và tiền vốn của công ty cổ phần.

D. Ban Cổ phần hóa tại doanh nghiệp:

1. Thông báo công khai tình hình tài chính của doanh nghiệp trước khi cổ phần hóa.

2. Thông báo việc bán cổ phần, tổ chức cho các cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp đăng ký mua cổ phần.

3. Tổ chức bán cổ phần và nộp tiền vào tài khoản đã mở tại Kho bạc Nhà nước.

4. Báo cáo tình hình thực hiện bán cổ phần theo phương án cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước đã được duyệt với Bộ quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật hoặc Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Hội đồng Quản trị Tổng công ty 91.

5. Dự kiến nhân sự của Hội đồng Quản trị và báo cáo xin ý kiến của Bộ quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật hoặc Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Hội đồng Quản trị Tổng công ty 91 và cơ quan quản lý vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp về nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị.

6. Triệu tập Đại hội cổ đông lần thứ nhất để:

- Bầu Hội đồng Quản trị.

- Thông qua Điều lệ Tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần.

**Bước 4. RA MẮT CÔNG TY CỔ PHẦN,
ĐĂNG KÝ KINH DOANH**

1. Giám đốc, Kế toán trưởng doanh nghiệp có sự chứng kiến của Ban Cổ phần hóa tại doanh nghiệp và cơ quan quản lý vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp bàn giao cho Hội đồng Quản trị của công ty cổ phần: lao động; tài sản, tiền vốn theo quyết định giá trị doanh nghiệp; danh sách, hồ sơ cổ đông và toàn bộ hồ sơ, tài liệu, sổ sách của doanh nghiệp. Ban Cổ phần hóa tại doanh nghiệp bàn giao những công việc còn lại khác (nếu có) cho Hội đồng Quản trị và tự giải thể.

2. Hội đồng Quản trị hoàn tất những công việc còn lại:

- Xin khắc dấu công ty cổ phần. Nộp lại con dấu cũ của doanh nghiệp nhà nước chuyển toàn bộ thành công ty cổ phần hoặc con dấu cũ của bộ phận doanh nghiệp nhà nước (nếu có) chuyển thành công ty cổ phần theo quy định của Bộ Nội vụ.

- Làm thủ tục chuyển quyền sở hữu nhà nước về tài sản từ doanh nghiệp nhà nước đã cổ phần hóa sang sở hữu của công ty cổ phần (được miễn nộp lệ phí trước bạ đối với những tài sản này).

- Tổ chức ra mắt công ty cổ phần, đăng báo theo quy định và công bố trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc thông báo bằng văn bản thời điểm hoạt động của công ty cổ phần theo con dấu mới.

3. Công ty cổ phần có trách nhiệm đăng ký kinh doanh với Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi công ty đóng trụ sở chính. Hồ sơ đăng ký kinh doanh như quy định tại Điều 16, Nghị định số 28-CP ngày 7-5-1996 của Chính phủ. Trong thời hạn 15 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho công ty cổ phần.

PHỤ LỤC SỐ 1*

MẪU BÁO CÁO VỀ KẾ HOẠCH CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC THUỘC BỘ
(NGÀNH, TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG, TỔNG CÔNG TY 91).

DANH SÁCH CÁC DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC CỔ PHẦN HÓA

CHỈ TIÊU	TÊN DOANH NGHIỆP	(1)	(2)	(3)
<ul style="list-style-type: none"> - Địa điểm chính (Fax, Tel) - Diện tích đất đai đang sử dụng (m²) - Tổng số lao động - Ngành nghề chủ yếu - Tổng số vốn (tính đến thời điểm đưa ra cổ phần hóa) <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Vốn cố định (vốn chủ sở hữu) + Vốn lưu động (vốn chủ sở hữu) + Vốn xây dựng cơ bản + Quý phát triển sản xuất <p><i>Dự kiến cơ cấu cổ phần (%)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà nước: <p>(Trong đó: Cổ phần cấp cho người lao động trong doanh nghiệp hưởng lợi tức)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cổ phần của người lao động trong doanh nghiệp: - Cổ phần ngoài doanh nghiệp: 					

* Báo cáo theo 2 danh sách (nếu có):

- Những doanh nghiệp nhà nước có vốn nhà nước từ 3 tỷ đồng trở xuống.
- Những doanh nghiệp nhà nước có vốn nhà nước trên 3 tỷ đồng.

PHỤ LỤC SỐ 2
NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA
DOANH NGHIỆP

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA DOANH
NGHIỆP CÓ 4 PHẦN CHÍNH SAU ĐÂY:

Phần thứ nhất: Đánh giá thực trạng của doanh nghiệp và dự kiến phương hướng phát triển của doanh nghiệp từ 3 đến 5 năm sau khi cổ phần hóa.

1. Tình hình chung hiện nay của doanh nghiệp:
Địa điểm, ngành nghề kinh doanh, thuận lợi, khó khăn.

2. Tình hình biến động tài sản, tiền vốn, lao động, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong 3 năm gần nhất.

3. Đánh giá thực trạng của doanh nghiệp và dự kiến phương hướng phát triển của doanh nghiệp cổ phần hóa từ 3 đến 5 năm sau (chiến lược phát

triển, kế hoạch kinh doanh, giá thành, lợi nhuận, phân phối cổ tức, bổ sung vốn, tái đầu tư...).

Phần thứ hai: Phương án tiến hành cổ phần hóa.

1. Xác định mục tiêu cụ thể và hình thức cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước: giá trị của doanh nghiệp được cổ phần hóa, số vốn cần huy động thêm (nếu có).

2. Mệnh giá cổ phiếu; số cổ phiếu, loại cổ phiếu cần được phát hành.

3. Xác định tỷ lệ phần vốn của các cổ đông trong doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa phân theo:

- Tỷ lệ cổ phần của Nhà nước.
- Tỷ lệ cổ phần của người lao động trong doanh nghiệp.
- Tỷ lệ cổ phần của cổ đông ngoài doanh nghiệp.

4. Mức phân phối ưu đãi về tài chính cho người lao động trong doanh nghiệp:

- Tổng trị giá cổ phiếu cấp cho người lao động để hưởng cổ tức (số người được cấp, người cao nhất, người thấp nhất).

- Tổng trị giá cổ phiếu được mua chịu, trả chậm trong 5 năm (tổng số người, người cao nhất, người thấp nhất).

- Phương hướng hoàn trả số tiền mua chịu.

5. Thời gian và cơ quan bán cổ phiếu: doanh nghiệp tự bán hay thông qua hệ thống Ngân hàng Thương mại hoặc Công ty Tài chính.

6. Thời hạn để các cổ đông nộp tiền và nhận được cổ phiếu (kể cả trong và ngoài doanh nghiệp).

7. Những vấn đề đề nghị giải quyết về:

- Vốn, tài sản.

- Lao động.

- Thuế.

- Những kiến nghị khác.

Phần thứ 3: Một số nội dung của dự thảo Điều lệ Tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần được thành lập sau cổ phần hóa:

Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp nhà nước, Luật Công ty để dự kiến các nội dung sau:

1. Hình thức cổ phần nhà nước (cổ phần chi phối, cổ phần đặc biệt...).

2. Cổ phiếu được cấp cho người lao động trong doanh nghiệp.

3. Quy định về cử, bãi miễn người quản lý phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần.

4. Quyền hạn và trách nhiệm của người được cử quản lý phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần.

5. Dự kiến nhân sự đại diện cho công nhân viên chức trong doanh nghiệp để ứng cử, đề cử và bầu vào Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát của công ty cổ phần theo quy định của Luật Công ty.

6. Dự kiến những quy định khác thích hợp với từng công ty cổ phần.

Phần thứ tư: Tổ chức thực hiện phương án được duyệt:

1. Thời gian để chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần.

2. Những vấn đề cần được xem xét tiếp tục giải quyết sau khi doanh nghiệp nhà nước đã chuyển thành công ty cổ phần.

3. Dự kiến nhân sự trực tiếp quản lý phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần.

4. Những vấn đề khác về chỉ đạo thực hiện phương án cổ phần hóa doanh nghiệp.

BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG CỔ PHẦN HÓA